

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HC-PT
Ngày 27 tháng 11 năm 2020

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
về giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực
quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Cường
Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Tấn Ánh, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 197/2020/TLPT-HC ngày 28 tháng 8 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 169/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Công Q, địa chỉ cư trú: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Công H, địa chỉ cư trú: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền ngày 21/10/2019; có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đinh X T, Luật sư của Văn phòng Luật sư A Luật thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Y, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (Giấy ủy quyền số 10530/UQ-UBND ngày 23/12/2019; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Trần Đình N, Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông YN, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K (Giấy ủy quyền số 17/UQ-UBND ngày 23/12/2019; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường M, Phó Chủ tịch UBND xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Giấy ủy quyền ngày 04/5/2020; vắng mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Hồ Đình X, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

4.2. Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

4.3. Bà Hồ Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

4.4. Ông Trần Văn H, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

4.5. Ông Tưởng Đăng Q, sinh năm 1946; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

4.6. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

4.7. Ông Phạm Viết H; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

4.8. Bà Đặng Thị L; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

4.9. Ông Hồ Sỹ C; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

4.10. Ông Lê V; sinh năm 1937; Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

5. Người kháng cáo: Ông Trần Công Q (là người khởi kiện vụ án).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án,

người khởi kiện là ông Trần Công Q, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q trình bày:

Năm 1987, hộ ông Trần Công Q đi kinh tế mới từ tỉnh Nghệ An vào địa phận xã C, huyện K (trước đây là xã C, huyện K). Tại đây, gia đình có khai hoang thửa đất diện tích khoảng 01 ha để ở và trồng cà phê. Trong quá trình sử dụng đất, để thuận tiện cho việc đi lại và sản xuất, hộ ông Trần Công Q có chừa một con đường mòn dọc theo chiều dài thửa đất (theo hướng Bắc - Nam) và hộ ông Q cũng đồng ý cho một số người dân trong vùng sử dụng con đường này để đi lại phục vụ canh tác.

Ngày 30/12/1996, hộ ông Trần Công Q được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số K 576738 đối với diện tích đất trên (thửa đất số 338, tờ bản đồ số 26, xã C, huyện K, diện tích 10.230 m²).

Năm 2018, ông Q đã rào chắn diện tích con đường mòn nêu trên để trồng cà phê và chanh dây. Sau đó, các hộ dân có đơn đề nghị UBND xã C và UBND huyện K xem xét, giải quyết việc ông Q rào chắn con đường.

Ngày 20/8/2018, UBND huyện K có Thông báo số 266/TB-UBND về việc thu hồi GCNQSD đất số K 576738 đã cấp cho hộ ông Trần Công Q đối với thửa đất trên. Sau đó, ông Q ủy quyền cho con trai là anh Trần Công H làm đơn khiếu nại việc Thông báo thu hồi Giấy chứng nhận này với lý do: Đất của hộ ông Q đã được cấp GCNQSD đất bao gồm cả con đường mòn dọc theo chiều dài thửa đất; ông Q xác định con đường mòn do hộ ông Q khai hoang và cho một số người dân trong vùng sử dụng để đi lại phục vụ canh tác nên lý do ban hành Thông báo thu hồi GCNQSD đất vì có diện tích bao gồm cả con đường là không đúng.

Ngày 21/11/2018, Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Trần Công H với nội dung: Không chấp nhận đơn khiếu nại của ông Trần Công H, giữ nguyên Thông báo số 266/TB-UBND.

Ngày 22/02/2019, ông Trần Công H làm đơn khiếu nại Quyết định số 3490/QĐ-UBND.

Ngày 23/9/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2709/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Trần Công H với nội dung: Giữ nguyên nội dung Quyết định số 3490/QĐ-UBND.

Ngày 29/10/2019, ông Trần Công Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện K và Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk.

2. Ý kiến của người bị kiện:

2.1. Ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk:

Thực tế, hiện nay ông Trần Công Q đang sử dụng thửa đất số 338, tờ bản đồ số 29, xã C, huyện K (tài liệu đo đạc và phê duyệt năm 1995).

- GCNQSD đất số K 576738 cấp ngày 30/12/1996 cho hộ ông Trần Công Q đối với thửa đất số 338, tờ bản đồ số 26 là không đúng vị trí và sai tờ bản đồ cụ thể (thửa đất mà ông Q được cấp và đang sử dụng thuộc tờ bản đồ số 29 nhưng giấy chứng nhận lại ghi là tờ bản đồ số 26).

- Phía Tây của thửa đất số 338 tờ bản đồ số 29 (đo đạc, phê duyệt năm 1995) thể hiện có con đường dọc theo chiều dài thửa đất (giữa thửa đất số 338 và thửa đất số 336). Thực tế, hiện trạng con đường tiếp giáp phía Tây của thửa đất số 338 đã được các hộ dân sử dụng làm đường đi chung từ trước năm 1987 đến tháng 3/2018. Hiện trạng con đường này đã được thể hiện trong bản đồ giải thửa tờ bản đồ số 29, xã C, huyện K (đo đạc, phê duyệt năm 1995). Việc ông Q rào chắn phần diện tích con đường này là vi phạm pháp luật về đất đai.

Vì vậy, Chủ tịch UBND huyện K ban hành Thông báo số 266/2018/TB-UBND ngày 20/08/2018 để thực hiện việc thu hồi GCNQSD đất số K 576738 đã cấp cho hộ ông Trần Công Q ngày 30/12/1996 đối với thửa số 338, tờ bản đồ 26, xã C, huyện K, diện tích 10.230 m² là đúng với quy định tại Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013, Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 56 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 05/01/2017 của Chính phủ.

Không đồng ý với nội dung trong thông báo số 266/2018/TB-UBND, con trai của ông Trần Công Q làm đơn khiếu nại yêu cầu Chủ tịch UBND huyện K rút lại Thông báo số 266/2018/TB-UBND, vì Thông báo này thu hồi GCNQSD đất của gia đình ông Q để điều chỉnh lại cho đúng với tờ bản đồ đã quy hoạch là ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông Q.

Ngày 21/11/2018, Chủ tịch UBND huyện K ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Công H là giữ nguyên nội dung Thông báo số 266/2018/TB-UBND ngày 20/08/2018. Ông Trần Công H tiếp tục khiếu nại lên UBND tỉnh Đắk Lắk yêu cầu hủy Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện K. Qua xem xét đơn khiếu nại của ông Trần Công H, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2709/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Công H là phù hợp với nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất của gia đình ông Trần Công Q và đúng với quy định của pháp luật hiện hành.

Vì vậy, nội dung ông Trần Công Q khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện K và Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk là không có cơ sở.

2.2. Ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K:

Ngày 19/9/2018, UBND huyện K nhận được đơn khiếu nại của ông Trần Công H (người được ông Trần Công Q ủy quyền) khiếu nại Thông báo số

226/2018/TB-UBND ngày 20/8/2018 của UBND huyện K về việc thu hồi GCNQSD đất số K576738, thửa đất số 338, tờ bản đồ số 26, diện tích 10,230 m² cấp cho hộ ông Trần Công Q năm 1996. UBND huyện K đã thành lập đoàn kiểm tra xác minh gồm các phòng ban chức năng của huyện thực hiện việc kiểm tra, xác minh giải quyết khiếu nại. Kết quả, đoàn kiểm tra xác minh đã xác định nội dung khiếu nại của ông Trần Công H yêu cầu UBND huyện K thu hồi lại Thông báo số 226/TB-UBND ngày 20/8/2018 của UBND huyện K là không có cơ sở. Bởi vì, việc cấp GCNQSD đất số K576738 cho ông Trần Công Q đối với thửa đất số 338, tờ bản đồ số 26 là sai tờ bản đồ và không thể hiện con đường tại phía Tây của thửa đất là không đúng với hiện trạng sử dụng đất tại địa phương và không đúng với quy định của pháp luật đất đai.

Do đó, Chủ tịch UBND huyện K đã ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 với nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Trần Công H yêu cầu thu hồi lại Thông báo số 226/2018/TB-UBND ngày 20/8/2018 của UBND huyện K là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công Q về việc hủy Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã C:

Ngày 09/4/2018, UBND xã C nhận được đơn kiến nghị của một số hộ dân, kiến nghị giải quyết việc hộ ông Trần Công Q ở thôn N, xã C lấn chiếm đường đi. Để có cơ sở giải quyết đơn kiến nghị, ngày 02/5/2018 UBND xã C tiến hành kiểm tra hiện trạng theo nội dung đơn kiến nghị.

Qua kiểm tra, UBND xã xác định vị trí con đường mà hộ ông Q rào chắn, không cho dân thôn N, xã C đi đã được hình thành 33 năm, không nằm trong diện tích đất được cấp cho hộ ông Q; vị trí thửa đất ông Q đang sử dụng sai ở tờ bản đồ, đúng ra là ở tờ bản đồ số 29 được can in năm 1995. Hiện nay thửa đất số 338, tờ bản đồ số 26, diện tích 10.230 m² cấp cho ông Q thuộc địa giới xã Cư Pong quản lý, còn vị trí thửa đất ông Q đang sử dụng thuộc thôn N, xã C là thửa đất số 338, tờ bản đồ số 29 nên ông quyền cho rằng con đường ông tự rào chắn là do ông mở, nằm trong phần diện tích đất của ông là hoàn toàn không có cơ sở. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Trần Công Q.

4. Ý kiến của những người làm chứng:

4.1. Ông Lê V, Hồ Đình X, Hồ Sĩ C, Phạm Viết H, bà Hồ Thị T, bà Đặng Thị L trình bày: Nguồn gốc con đường mà hộ ông Q vô cớ rào chắn vào tháng 6/2018 là có từ năm 1987. Riêng ông Hồ Sĩ C và ông Lê V còn khẳng định con đường mà hộ ông Q rào chắn là do Lâm trường C san ủi cho bà con thôn N xã C nay là xã C đi.

4.2. Bà Trịnh Thị H, ông Trần Văn H, ông Tường Đăng Q trình bày: Theo chủ trương của Đảng, các ông bà vào Tây Nguyên làm công nhân cho Lâm Trường C vào năm 1987, Lâm trường có chia cho mỗi hộ 0,3 ha đất và các hộ đi nhờ qua con đường thuộc đất của hộ ông Q.

5. *Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:*

Áp dụng Điều 106, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và khoản 56 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công Q đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Trần Công Q và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

6. *Kháng cáo:* Ngày 09/6/2020, người khởi kiện là ông Trần Công Q có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

7. *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Đình Văn T phát biểu ý kiến:

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía người khởi kiện đã có yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để kiểm tra, xác minh sự việc vào năm 2007 ông Q đã ủy quyền cho ông Q và bà Thanh sử dụng GCNQSD đất số K 576738 của gia đình ông để đi cầm cố hoặc thế chấp ngân hàng nhưng không được Hội đồng xét xử chấp nhận là vi phạm thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, Luật sư tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh, làm rõ sự việc nêu trên để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức tín dụng cũng như của vợ chồng ông Q, bà Thanh.

Về nội dung vụ án, Luật sư cho rằng: Thửa đất của hộ ông Q sử dụng ổn định từ năm 1987 đến nay, đã được cấp GCNQSD đất số K 576738 ngày 30/12/1996 bao gồm cả diện tích con đường đi. Việc UBND huyện K ban hành Thông báo số 266/TB-UBND ngày 20/8/2018 về việc thu hồi GCNQSD đất số K 576738 đã cấp cho hộ ông Trần Công Q đối với thửa đất trên là không đúng trình tự, thủ tục thu hồi GCNQSD đất. Mặt khác, ông Q đã trình bày rõ là các bên tranh chấp về lối đi nhưng phía UBND không xác định lối đi này thuộc thửa đất đã được cấp GCNQSD đất, là tranh chấp dân sự mà ban hành Thông báo thu hồi GCNQSD đất là không đúng. Do đó, kháng cáo của ông Trần Công Q là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là đúng quy định tại Điều 225 của Luật Tổ tụng Hành chính.

Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự; các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập trong quá trình tố tụng cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công Q là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai hiện hành. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công Q là đúng pháp luật; ông Q kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại nhưng tại phiên tòa người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Trần Công Q và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của người đại diện hợp pháp và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại Đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện là ông Trần Công Q và người đại diện hợp pháp của ông Q (là anh Trần Công H) đều yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của Chủ tịch UBND huyện K “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Công H, thường trú tại thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk” và Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Công H... (lần hai)”. Đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Tổ tụng hành chính 2015. Như vậy, kháng cáo của ông Trần Công Q và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q phát biểu tại phiên tòa cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bằng một vụ án hành chính trong khi đây là vụ án “Tranh chấp về lối đi” nên đã vi phạm Bộ luật Dân sự, Tố tụng dân sự, Tố tụng hành chính là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Xét kháng cáo của ông Trần Công Q cho là Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tạm ngừng phiên tòa của phía người khởi kiện để xác minh việc

GCNQSD đất số K576738 đang được thế chấp vay vốn tại ngân hàng là vi phạm tố tụng và yêu cầu của Luật sư Đinh Văn T tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm để xác minh hộ ông Q đang sử dụng GCNQSD đất số K576738 vào việc thế chấp vay vốn tại ngân hàng thì thấy:

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/5/2020, anh Trần Công H có cung cấp bản phô tô Giấy ủy quyền được lập ngày 10/5/2007 của hộ ông Trần Công Q cho ông Phan Thanh Q và bà Huỳnh Thị Hồng T sử dụng GCNQSD đất số K576738 “để sử dụng vào việc vay vốn thời hạn là 3 năm kể từ ngày 10/5/2007 đến ngày 10/5/2010” và Luật sư Đinh Văn T có yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để xác minh về việc thế chấp quyền sử dụng đất của hộ ông Q tại ngân hàng nông nghiệp. Sự việc này đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm xem xét và nhận định: *“yêu cầu trên của Luật sư và người đại diện cho người khởi kiện yêu cầu nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là hộ ông Q thế chấp, cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào thời gian và ở Ngân hàng nào. Còn việc ông Q giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cho ông Q, bà T theo nội dung ủy quyền đã hết hiệu lực ủy quyền. Đồng thời Phòng tài nguyên môi trường huyện K khẳng định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K576738, thửa đất số 338, tờ bản đồ số 26, diện tích 10,230 m² cấp cho hộ ông Trần Công Q cho đến nay chưa thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận. Do vậy yêu cầu trên của Luật sư và người được ủy quyền của người khởi kiện là không có căn cứ nên không được chấp nhận”*. Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư Đinh Văn T tiếp tục yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để xác minh sự việc GCNQSD đất số K576738 đang được thế chấp tại ngân hàng; tuy nhiên, ngoài chứng cứ là bản phô tô Giấy ủy quyền được lập ngày 10/5/2007 mà anh H đã giao nộp tại phiên tòa sơ thẩm nêu trên, Luật sư và anh Trần Công H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh GCNQSD đất số K576738 hiện đang được thế chấp tại ngân hàng cụ thể nào. Mặt khác, theo lời trình bày của phía người bị kiện tại phiên tòa sơ thẩm cũng đã xác định từ năm 1996 đến nay, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K không có đăng ký biến động gì đối với thửa đất ông Q đang sử dụng. Như vậy, có đủ cơ sở xác định nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm nêu trên là đúng pháp luật; kháng cáo của ông Trần Công Q về nội dung Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tạm ngừng phiên tòa *“Để xác minh việc GCNQSD đất số K576738 đang được thế chấp vay vốn tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Đắk Lắk”* là vi phạm tố tụng, cũng như ý kiến của Luật sư yêu cầu tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm để xác minh GCNQSD đất số K576738 hiện đang được thế chấp vay vốn tại ngân hàng là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Đối với yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp trong quá trình tố tụng thì đối tượng có khiếu kiện trong vụ án này là con đường mòn nằm tại phía Tây của thửa đất số 338 đã được hình thành từ trước năm 1987 cho đến năm 2018 thì bị gia đình ông Q rào chắn có hình thể, vị trí không thay đổi. Con đường này phía người khởi kiện cho rằng là một phần của thửa đất

số 338 đã được cấp GCNQSD đất số K576738 cho hộ ông Q; phía người bị kiện thì cho rằng vị trí, hình thể thửa đất tại GCNQSD đất số K576738 là không đúng với tờ bản đồ số 26 đã ghi tại giấy chứng nhận này, mà thực tế là thuộc tờ bản đồ số 29 xã C, huyện K được đo đạc, phê duyệt năm 1995 có thể hiện con đường này; GCNQSD đất số K576738 và các tờ bản đồ số 26, 29 nêu trên đã được các đương sự giao nộp đầy đủ cho Tòa án. Như vậy, căn cứ mà người khởi kiện đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và căn cứ mà người bị kiện đưa ra để chứng minh cho việc ban hành quyết định hành chính là có căn cứ và hợp pháp đều đã được các đương sự giao nộp đầy đủ; không thuộc trường hợp phải tạm ngừng phiên tòa theo quy định tại Điều 187 của Luật Tổ tụng hành chính. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để xem xét, thẩm định tại chỗ là đúng pháp luật; kháng cáo của ông Trần Công Q cho là Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng là không có cơ sở, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Ông Trần Công Q khởi kiện vụ án vì cho rằng năm 1987 hộ ông Q đi kinh tế mới từ tỉnh Nghệ An vào xã C, huyện K (nay là xã C, huyện K) có khai hoang khoảng 01 ha đất để ở và trồng cà phê. Trong quá trình sử dụng đất, hộ ông Q có chừa một con đường mòn dọc theo chiều dài thửa đất (theo hướng Bắc - Nam) để sử dụng và cho một số người dân trong vùng sử dụng con đường này để đi lại phục vụ canh tác. Thửa đất này đã được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số K 576738 ngày 30/12/1996, đối với thửa đất số 338, tờ bản đồ số 26, xã C, huyện K trong đó có bao gồm cả con đường nêu trên. Do đó, việc UBND huyện K ban hành Thông báo số 266/TB-UBND ngày 20/8/2018 về việc thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông Q nêu trên, cũng như việc giải quyết khiếu nại đối với Thông báo số 266/TB-UBND của Chủ tịch UBND huyện K và Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk là không đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Nội dung các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Hộ ông Trần Công Q bắt đầu đến cư trú tại xã C từ năm 1987. Trong quá trình sinh sống, hộ ông Q có sử dụng thửa đất có diện tích khoảng 01 ha và đã được UBND huyện K cấp GCNQSD đất số K 576738 ngày 30/12/1996 đối với thửa đất này là đúng sự thật. Tại GCNQSD đất số K 576738 này thể hiện hộ ông Q sử dụng thửa đất số 338, tờ bản đồ số 26, xã C, huyện K; trong đó có trích lục bản đồ thể hiện phía Tây thửa đất số 338 (phía giáp thửa đất số 336) không có con đường nằm giữa hai thửa đất.

[2.2] Trong quá trình tố tụng, các đương sự đều không cung cấp được Tờ bản đồ số 26 xã C, tỷ lệ 1/2000, đo đạc năm 1995 như đã thể hiện tại GCNQSD đất số K 576738 ngày 30/12/1996 của UBND huyện K cấp cho hộ ông Trần Công Q mà phía người bị kiện chỉ cung cấp được Tờ bản đồ số 26 và Tờ bản đồ số 29 xã Cư Pong. Qua xem xét hai Tờ bản đồ này thì thấy: Tại Tờ bản đồ số 26 xã Cư Pong này được can in và được kiểm tra nghiệm thu vào tháng 01/2000 thì không có thửa đất số 338 (bút lục 57). Tuy nhiên, tại Tờ bản đồ số 29 được can in vào tháng

9/1995 thì có thể hiện thửa đất số 338, diện tích 8.360 m², phía Tây thửa đất này có một con đường rồi đến thửa đất số 336, diện tích 11.200 m² (bút lục 58).

[2.3] Theo lời trình bày của những người làm chứng gồm ông Hồ Sỹ C, ông Lê V, ông Phạm Viết H, bà Hồ Thị T (là những hộ dân đi kinh tế mới cùng thời điểm và ở cùng thôn với hộ ông Q) đều khẳng định nguồn gốc con đường là do Lâm trường C san ủi để phục vụ công nhân lâm trường và nhân dân đi lại, sản xuất; là đường đi chung của nhân dân trong khu vực, của hai thôn đã hình thành hơn 33 năm qua, vị trí không thay đổi. Ông Q và người đại diện hợp pháp của ông Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện hộ ông Q đã xây dựng nên con đường hoặc đã có thời gian sử dụng con đường này trước thời điểm gia đình ông Q rào chắn con đường (năm 2018).

[2.4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, của những người làm chứng nêu trên và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Con đường hiện có khiếu kiện được hình thành từ năm 1987, là lối đi chung của nhiều hộ dân thôn N, xã C, huyện K. Tại GCNQSD đất số K 576738 ngày 30/12/1996 của UBND huyện K cấp cho hộ ông Trần Công Q đối với thửa đất số 338, tờ bản đồ số 26, xã C, huyện K là có sự nhầm lẫn về việc ghi số, địa chỉ của tờ bản đồ và không đúng diện tích, vị trí thửa đất. Việc nhầm lẫn này là do trước đây xã C và xã Cư Pong có vị trí liền kề sát nhau (nay được nhập chung thành xã C); năm 1996, UBND huyện K tổ chức việc cấp GCNQSD đất cho nhân dân trên địa bàn huyện đã có sự nhầm lẫn trong việc xác định thửa đất tại các tờ bản đồ nên thực tế có nhiều hộ dân cũng được cấp GCNQSD đất ghi sai tờ bản đồ, trong đó có hộ ông Trần Công Q.

Đến năm 2018, khi ông Q tự ý rào chắn con đường thì các hộ dân đã sử dụng con đường có khiếu nại. UBND xã C đã tổ chức kiểm tra, xác minh thì phát hiện GCNQSD đất ngày 30/12/1996 của UBND huyện K cấp cho hộ ông Trần Công Q ghi sai số, địa chỉ của tờ bản đồ; đồng thời không đúng vị trí, diện tích thửa đất. Trên cơ sở báo cáo của UBND xã C và kết quả việc kiểm tra xác minh của các cơ quan chuyên môn, UBND huyện K ban hành Thông báo số 266/TB-UBND ngày 20/8/2018 về việc thu hồi GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông Q là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và có căn cứ quy định tại điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

Sau khi ông Trần Công H (người được ông Trần Công Q ủy quyền) khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện K đã ban hành Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 về việc giải quyết khiếu nại lần hai với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Trần Công H yêu cầu

rút lại Thông báo số 266/TB-UBND ngày 20/8/2018 của UBND huyện K là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung là có căn cứ, đúng các quy định của pháp luật về đất đai và Luật Khiếu nại. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công Q là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Trần Công Q kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại nhưng các lý do nêu trong đơn kháng cáo và trình bày tại phiên tòa là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tuy vậy, sau khi xem xét nội dung Bản án sơ thẩm Hội đồng xét xử nhận thấy phần quyết định của bản án này ghi áp dụng Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013 là có sự nhầm lẫn. Bởi vì, đây là vụ án do người khởi kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính về việc giải quyết khiếu nại phát sinh sau khi có Thông báo thu hồi GCNQSD đất; không phải là vụ án khiếu kiện về quyết định hành chính giải quyết tranh chấp về đất đai. Tuy nhiên, sai sót nêu trên cũng không phải là căn cứ để hủy bản án sơ thẩm quy định tại khoản 3 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính nên Hội đồng xét xử yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm; đồng thời điều chỉnh lại nội dung này và bổ sung các quy định của pháp luật để bảo đảm việc áp dụng pháp luật được chính xác.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do ông Trần Công Q là người cao tuổi có đơn xin được miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Trần Công Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 106, Điều 204 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; khoản 56 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; các Điều 18, 21, 31, 33, 40, 42 của Luật Khiếu nại năm 2011.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án

phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Công Q và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2020/HC-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công Q đối với yêu cầu hủy Quyết định số 3490/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm cho ông Trần Công Q.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 27/11/2020.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Điền

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Cường

Mai Xuân Thành

Nguyễn Xuân Điền

